

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/DS-ST

Ngày: 13- 02- 2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Bà Phan Thị Thiện.

2./ Ông Y Pép Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5- Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026 tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1969- Vắng mặt

Địa chỉ: Số B, hẻm D, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là: Số B, hẻm đường H, xã K, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tăng H - Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: A N, xã K, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Y Yut K và bà H Lĩn B - Điều vắng mặt

Địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn C, xã D, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Thị A, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tăng H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với ông Y Yut K bà H Lĩn B. Bà A có cho ông Y Yut K, bà H Lĩn B vay tiền 05 lần cụ thể sau:

Lần 1: Ngày 14/12/2020, bà A có cho ông Y Yut K, bà H Lĩn B vay số tiền: 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), các bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng. Hẹn ngày trả nợ là 12 tháng. Việc vay tiền trên được lập thành Giấy vay tiền do ông Y Yut K, bà H Lĩn B đã ghi rõ họ tên vào bên vay tiền.

Lần 2: Ngày 14/12/2020, bà A tiếp tục có cho ông Y Yut K bà H Lĩn B vay số tiền: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), các bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng Hẹn ngày trả nợ là 04 tháng. Việc vay tiền trên được lập thành Giấy vay tiền ông Y Yut K bà H Lĩn B đã ghi rõ họ tên vào bên vay tiền.

Lần 3: Ngày 20/12/2020, bà A tiếp tục có cho ông Y Yut K bà H Lĩn B vay số tiền: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), các bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng. Hẹn ngày trả nợ là 03 tháng. Việc vay tiền trên được lập thành Giấy vay tiền do ông Y Yut K bà H Lĩn B đã ghi rõ họ tên vào bên vay tiền.

Lần 4: Ngày 01/01/2021, bà A tiếp tục có cho ông Y Yut K bà H Lĩn B vay số tiền: 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*), các bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng. Hẹn ngày trả nợ là 01 tháng. Việc vay tiền trên được lập thành Giấy vay tiền do bà H Lĩn B đã đại diện ghi rõ họ tên vào bên vay tiền.

Lần 5: Ngày 14/12/2021, bà A tiếp tục có cho ông Y Yut K bà H Lĩn B vay số tiền: 21.500.000 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*), các bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Hẹn ngày trả nợ là 02 tháng. Việc vay tiền trên được lập thành Giấy vay tiền do bà H Lĩn B đã đại diện ghi rõ họ tên vào bên vay tiền.

Tổng cộng 05 lần trên bà A cho ông Y Yut K, bà H Lĩn B vay tổng số tiền: 150.500.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, nhưng ông Y Yut K và bà H Lĩn B vẫn không trả. Vì vậy, bà A yêu cầu Tòa án buộc ông Y Yut K bà H Lĩn B phải trả cho bà A số tiền vay gốc là: 150.500.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) và tiền lãi suất với 05 khoản vay gồm:

- Lãi suất đối với khoản vay ngày 14/12/2020, với số tiền vay: 70.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/năm, tạm tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 61 tháng 29 ngày là: $70.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 61 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 72.294.443 \text{ đồng}$.

- Lãi suất đối với khoản vay ngày 14/12/2020, với số tiền vay: 2.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/năm, tạm tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 61 tháng 29 ngày: $2.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 61 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 2.065.555 \text{ đồng}$.

- Lãi suất đối với khoản vay ngày 20/12/2020, với số tiền vay: 2.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/năm, tạm tính từ ngày 21/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 61 tháng 23 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} \times 61 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 2.058.888 \text{ đồng}$.

- Lãi suất đối với khoản vay ngày 01/01/2021, với số tiền vay: 55.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/ năm, tạm tính từ ngày 02/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 61 tháng 11 ngày là: $55.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} \times 61 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 56.252.777 \text{ đồng}$.

- Lãi suất đối với khoản vay ngày 14/12/2021, với số tiền vay: 21.500.000 đồng, với lãi suất: 1,5%/tháng, tạm tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 49 tháng 29 ngày là: $21.500.000 \text{ đồng} \times 1,5\% / \text{tháng} \times 49 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 16.115.325 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi vay 05 lần trên là: 148.786.988 đồng.

Do vậy, yêu cầu bà H Lĩn B và ông Y Yut K phải trả cho bà Đỗ Thị A tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 299.286.988 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Y Yut K và bà H Lĩn B không hợp tác làm việc trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký đối với các chứng cứ mà nguyên đơn dùng để khởi kiện và chữ ký của bị đơn mà tòa án thu thập được.

Tại bản kết luận giám định số 1074/KL-KTHS ngày 24/11/2025 của phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận như sau:

1. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết "yyut K BuôR" dưới mục "BÊN VAY TIỀN - Chồng (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số C, để các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn Byă, số tiền 70.000.000, đề ngày 14/12/2020 (ký hiệu A1); Chữ viết "yyut K BuôR" dưới mục "BÊN VAY TIỀN - Chồng (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số C, để các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn Byă, số tiền 2.000.000, đề ngày 14/12/2020 (ký hiệu A2); Chữ viết "yyut yyut K BuôR" dưới mục "BÊN VAY TIỀN – Chồng (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số C, để các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn Byă, số tiền 2.000.000, đề ngày 20/12/2020 (ký hiệu A3) so với: Chữ viết "yyut yyut K BuôR" dưới mục "Bên A" tại trang 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ký hiệu M1); Chữ viết "yyut yyut K BuôR" dưới mục "BÊN ỦY QUYỀN (Bên A)" tại trang 4 trên Hợp đồng ủy quyền (ký hiệu M2) có phải do cùng một người viết ra hay không.

2.1. Chữ viết "H Lĩn Byă" dưới mục "BÊN VAY TIỀN – Vợ (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số C, để các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn

Byă, số tiền 70.000.000, đề ngày 14/12/2020 (ký hiệu A1) so với chữ viết "H Lĩn H Lĩn Byă" dưới mục "Bên A" tại trang 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ký hiệu M1), dưới mục "BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B)" tại trang 4 trên Hợp đồng ủy quyền (ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

2.2. Chữ viết "H Lĩn Byă" dưới mục "BÊN VAY TIỀN – Vợ (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số 314, đề các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn Byă, số tiền 2.000.000, đề ngày 14/12/2020 (ký hiệu A2) so với chữ viết "H Lĩn H Lĩn Byă" dưới mục "Bên A" tại trang 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ký hiệu M1), dưới mục "BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B)" tại trang 4 trên Hợp đồng ủy quyền (ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

2.3. Chữ viết "H Lĩn Byă" dưới mục "BÊN VAY TIỀN – Vợ (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số C, đề các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn Byă, số tiền 2.000.000, đề ngày 20/12/2020 (ký hiệu A3) so với chữ viết "H Lĩn H Lĩn Byă" dưới mục "Bên A" tại trang 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ký hiệu M1), dưới mục "BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B)" tại trang 4 trên Hợp đồng ủy quyền (ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

2.4. Chữ viết "H Lĩn H Lĩn Byă" dưới mục "BÊN VAY TIỀN – Vợ (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số C, đề các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn Byă, số tiền 55.000.000, đề ngày 01/01/2021 (ký hiệu A4) so với chữ viết "H Lĩn H Lĩn Byă" dưới mục "Bên A" tại trang 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ký hiệu M1), dưới mục "BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B)" tại trang 4 trên Hợp đồng ủy quyền (ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

2.5. Chữ viết "H Lĩn H Lĩn Byă" dưới mục "BÊN VAY TIỀN – Vợ (Ký tên)" trên Giấy vay tiền, số D, đề các nội dung: bên vay tiền mang tên Y Yut K và H Lĩn Byă, số tiền 21.500.000, đề ngày 14/12/2021 (ký hiệu A5) so với chữ viết "H Lĩn H Lĩn Byă" dưới mục "Bên A" tại trang 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ký hiệu M1), dưới mục "BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B)" tại trang 4 trên Hợp đồng ủy quyền (ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 68, 70, 72 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 68, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Anh . Buộc bà H Lĩn B phải trả cho bà Đỗ Thị A tổng số tiền là: 299.286.988 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

Trong đó tiền vay gốc là: 150.500.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền lãi suất là: 148.786.988 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo quy định.

Về án phí DSST: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị A, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn ông Y Yut K và bà H L Byă cư trú tại Buôn C, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Y Yut K và bà H Lĩn Byă vắng mặt, nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông Y Yut K và bà H Lĩn B. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Y Yut K và bà H Lĩn B vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A, yêu cầu ông Y Yut K và bà H Lĩn Byă phải trả cho bà Đỗ Thị A số tiền vay gốc là: 150.500.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại giấy vay tiền ngày 14/12/2020 thể hiện nội dung: Ông Y Yut K và bà H Lĩn Byă vay của bà Đỗ Thị A số tiền 70.000.000 đồng, hạn 12 tháng trả nợ, lãi suất 2,5%/tháng tính từ thời điểm vay, ông Y Yut K và bà H Lĩn B ký tên.

Tại giấy vay tiền ngày 14/12/2020 thể hiện nội dung: Ông Y Yut K và bà H Lĩn Byă vay của bà Đỗ Thị A số tiền 2.000.000 đồng, hạn 4 tháng trả nợ, lãi suất 2,5%/tháng tính từ thời điểm vay, ông Y Yut K và bà H Lĩn B ký tên.

Tại giấy vay tiền ngày 20/12/2020 thể hiện nội dung: Ông Y Yut K và bà H Lĩn Byă vay của bà Đỗ Thị A số tiền 2.000.000 đồng, hạn 3 tháng trả nợ, lãi suất 2,5%/tháng tính từ thời điểm vay, ông Y Yut K và bà H Lĩn B ký tên.

Tại giấy vay tiền ngày 01/01/2021 thể hiện nội dung: Ông Y Yut K và bà H Lĩn Byă vay của bà Đỗ Thị A số tiền 55.000.000 đồng, hạn 1 tháng trả nợ, lãi suất 2,5%/tháng tính từ thời điểm vay, bà H Lĩn Byă ký tên.

Tại giấy vay tiền ngày 14/12/2021 thể hiện nội dung: Ông Y Yut K và bà H Lĩn Byă vay của bà Đỗ Thị A số tiền 21.500.000 đồng, hạn 2 tháng trả nợ, lãi suất 1,5%/tháng tính từ thời điểm vay, bà H Lĩn Byă ký tên.

Quá trình giải quyết vụ án bà H L Byă không hợp tác trình bày ý kiến đối với đơn khởi kiện của bà A.

Kết luận giám định số 1074/KL-KTHS, ngày 24/11/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận trên các giấy vay tiền là do bà H Lĩn Byă viết tại mục người vay tiền.

Như vậy, xét lời khai của nguyên đơn phù hợp với kết luận giám định, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa bà H Lĩn Byă với bà Đỗ Thị A là có thật. Việc bà H Lĩn B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Y Yut K không đến tòa án làm việc, không có lời khai. Kết luận giám định không đủ cơ sở cho rằng ông Y Yut K là người ký trong giấy vay tiền, do đó không đủ cơ sở để buộc ông Y Yut K liên đới với bà H Lĩn Byă trả nợ cho bà A.

Về lãi suất: Đối với lãi suất vay, các bên đã có thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên lãi suất đã thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, nguyên đơn đã yêu cầu tính lãi lại với mức 20%/năm đối với các khoản vay ngày 14/12/2020 (02 giấy), 20/12/2020; 01/01/2021 và 18%/năm đối với khoản vay ngày 14/12/2021 là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Lãi suất đối với khoản vay ngày 14/12/2020, với số tiền vay: 70.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/năm, tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm

ngày 13/02/2026 là 61 tháng 29 ngày là: $70.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 61 \text{ tháng} \times 29 \text{ ngày} = 72.294.443 \text{ đồng}$.

Lãi suất đối với khoản vay ngày 14/12/2020, với số tiền vay: 2.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/năm, tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 61 tháng 29 ngày: $2.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/01 \text{ năm} \times 61 \text{ tháng} \times 29 \text{ ngày} = 2.065.555 \text{ đồng}$.

Lãi suất đối với khoản vay ngày 20/12/2020, với số tiền vay: 2.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/năm, tính từ ngày 21/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 61 tháng 23 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/01 \text{ năm} \times 61 \text{ tháng} \times 23 \text{ ngày} = 2.058.888 \text{ đồng}$.

Lãi suất đối với khoản vay ngày 01/01/2021, với số tiền vay: 55.000.000 đồng, với lãi suất: 20%/năm, tính từ ngày 02/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 61 tháng 11 ngày là: $55.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/01 \text{ năm} \times 61 \text{ tháng} \times 11 \text{ ngày} = 56.252.777 \text{ đồng}$.

Lãi suất đối với khoản vay ngày 14/12/2021, với số tiền vay: 21.500.000 đồng, với lãi suất: 18%/năm, tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/02/2026 là 49 tháng 29 ngày là: $21.500.000 \text{ đồng} \times 18\%/năm \times 49 \text{ tháng} \times 29 \text{ ngày} = 16.115.325 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi vay 05 lần trên là: 148.786.988 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

Do vậy, cần buộc bà H Lĩn Byă phải trả cho bà Đỗ Thị A tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 299.286.988 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

[4] Về chi phí giám định chữ ký: Do bị đơn không hợp tác trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, nên theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết kết quả chữ viết trong các giấy vay tiền mà nguyên đơn dùng để khởi kiện là chữ viết của bà H Lĩn B, nên áp dụng khoản 4 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà H Lĩn B phải chịu chi phí giám định là 9.250.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp, nên buộc bà H Lĩn Byă phải thanh toán lại cho nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H Lĩn Byă phải chịu 14.964.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính: $299.286.988 \text{ đồng} \times 5\% = 14.964.000 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Anh .

[1] Buộc bà H Lĩn B phải trả cho bà Đỗ Thị A tổng số tiền là: 299.286.988 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

Trong đó tiền vay gốc là: 150.500.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền lãi suất là: 148.786.988 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí giám định chữ ký: Buộc bà H Lĩn B phải chịu chi phí giám định là 9.250.000 đồng. Bà Đỗ Thị A được nhận lại 9.250.000 đồng sau khi thu được của bà H Lĩn B.

[3] Về án phí: Buộc bà H Lĩn B phải chịu 14.964.000 đồng (*mười bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị A 6.811.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm mười một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2023/0008739 ngày 09/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Đắk Lắk).

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5- Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Chu Anh Hùng

